

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/ DS-ST

Ngày 26/05/2022

V/v Tranh chấp HĐ tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật**

**- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Hoàng Minh**

**2/ - Bà Phạm Thị Lệ Hoa**

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân - Thư**

**ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.**

Trong ngày 26 tháng 05 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/ TLST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng C S X H V N**

Địa chỉ: số 169, Phố L Đ, phường H L, quận H M, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc P – chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C S X H V N huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Theo quyết định ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/09/2019.

Ông Nguyễn Khắc P ủy quyền lại cho bà Lê Thị Tuyết L, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C S X H V N huyện T H, tỉnh Kiên Giang (theo quyết định ủy quyền số: 29/QĐ – PGD ngày 18/02/2020) (có mặt).

**Bị đơn:** Bà **Trương Kim P**, sinh năm 1976 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ hiện tại đang ở: Số 217F, tổ 12, ấp K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn Ngân Hàng C S X H V N – Đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Tuyết L trình bày:** Nguyên vào ngày 17/04/2014, bà trương Kim P mã khách hàng 7056255514 có ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng C S X H V N phòng giao dịch T H, tỉnh Kiên Giang, số khế ước 6600000701087672 với số tiền tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mức lãi suất là 0,78%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,014%/tháng, phân kỳ trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền là 6.600.000đ/lần. Hình thức vay vốn chương trình hộ cận nghèo, bà P đã ký nhận đủ số tiền trên, đến hạn trả nợ nhưng bà P xin gia hạn trả nợ đến ngày 10/09/2018, tuy nhiên đến ngày 10/09/2018 bà P không trả được nợ. Sau đó Ngân hàng đã chuyển số nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/05/2022 tiền lãi quá hạn là 8.868.159đ (tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn một trăm năm mươi chín đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi quá hạn là 28.868.159đ (hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

Vào ngày 10/07/2014, bà Trương Kim P tiếp tục ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C S X H V N phòng giao dịch T H, tỉnh Kiên Giang số khế ước 66000000701928103, vay số tiền tổng cộng là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mức lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,04%/tháng, phân kỳ trả nợ 06 tháng/lần, số tiền là 1.200.000đ/lần. Hình thức vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, bà P đã ký nhận đủ số tiền trên, đến hạn trả nợ 10/07/2019 nhưng bà P xin gia hạn nợ đến ngày 10/07/2021 nhưng bà P vẫn không thực hiện đóng lãi, làm phát sinh thêm tiền lãi tồn đọng ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng. Tính đến ngày 26/05/2022 tiền lãi quá hạn là 6.876.690đ (sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi quá hạn là 18.876.690đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi đồng).

Nay tại phiên tòa Ngân hàng C S X H V N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Kim P trả nợ cho Ngân hàng C S X H V N số tiền gốc của tổng 02 khoản vay là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) và tiền lãi quá hạn của 02 khoản vay tính đến ngày 26/05/2022 là 15.744.849đ (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 47.744.849đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội

dung hợp đồng tín dụng đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Trương Kim P trả hết nợ cho Ngân hàng C S X H V N.

**Bị đơn bà Trương Kim P trình bày:** do bà Trương Kim P vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Trương Kim P với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà P vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trương Kim P, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Kim P là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng C S X H V N với bà Trương Kim P là quan hệ Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L yêu cầu giải quyết buộc bà Trương Kim P trả nợ 02 khoản vay cho Ngân hàng C S X H V N tổng số tiền gốc và lãi là 47.744.849đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại thời điểm vào ngày 17/04/2014 bà Trương Kim P có vay của Ngân hàng C S X H V N số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 năm đối với hợp đồng tín dụng số:

6600000701087672, lãi suất 0,78%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,014%/tháng. Phương thức thanh toán: phân kỳ trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền là 6.600.000đ/lần. Đến ngày 10/07/2014 bà P tiếp tục vay của Ngân hàng C S X H V N số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), thời hạn vay là 05 năm đối với hợp đồng tín dụng số: 66000000701928103, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,04%/tháng. Phương thức thanh toán: phân kỳ trả nợ là 06 tháng/lần, số tiền là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Đến hạn trả nợ thì từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay bà P vẫn chưa trả tiền lãi và tiền gốc của 02 khoản vay cho Ngân hàng C S X H V N, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà P không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Kim P trả nợ cho Ngân hàng C S X H V N số tiền gốc của 02 khoản vay là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), tiền lãi quá hạn của 02 khoản vay tính đến ngày hôm nay 26/5/2022 là 15.744.849đ (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 26/5/2022 của Ngân hàng C S X H V N). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi quá hạn của 02 khoản vay là 47.744.849đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng số: 6600000701087672 ngày 17/04/2014 và hợp đồng tín dụng số: 66000000701928103 ngày 10/07/2014 mà hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Trương Kim P trả hết nợ cho Ngân hàng C S X H V N. Lời yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết L phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm c Khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trương Kim P phải nộp:  $47.744.849đ \times 5\% = 2.387.242đ$  tính tròn là 2.387.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm c Khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C S X H V N.

3/ Buộc bà Trương Kim P trả cho Ngân hàng C S X H V N tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi quá hạn là 47.744.849đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Kim P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 6600000701087672 ngày 17/04/2014 và hợp đồng tín dụng số: 66000000701928103 ngày 10/07/2014 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C S X H V N thì lãi suất mà bà Trương Kim P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C S X H V N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C S X H V N.

### **4/ Về án phí DSST:**

- Buộc bà Trương Kim P nộp 2.387.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng C S X H V N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Trương Kim P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Quang Nhật**